

QUYẾT ĐỊNH

V/v Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng công trình Quốc phòng tại xã, huyện Vĩnh Cửu (theo Quyết định giải quyết đơn khiếu nại).

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 03/11/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định về giá xây dựng nhà ở để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định về giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai quy định về việc thực hiện phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng công trình Quốc phòng tại xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu, huyện Vĩnh Cửu.

Căn cứ Quyết định số 6963/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đào Duy Tân ngụ tại ấp 1, xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 111/TTr-PTNMT ngày 21/01/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Đào Duy Tân tại số thứ tự 08 bảng thông tin bồi thường kèm theo Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND huyện như sau:

- Điều chỉnh giá trị bồi thường hỗ trợ về đất **từ 80.000.000 đồng thành 220.000.000 đồng** (tăng 140.000.000 đồng) do điều chỉnh diện tích bồi thường, hỗ trợ.

- Điều chỉnh giá trị bồi thường cây trồng **từ 46.508.000 đồng thành 71.592.000 đồng** (tăng 25.084.000 đồng) do điều chỉnh năm tuổi cây trồng.

- Điều chỉnh giá trị chính sách hỗ trợ **từ 80.000.000 đồng thành 373.603.000 đồng** (tăng 293.603.000 đồng) do điều chỉnh diện tích đất bồi thường.

- Điều chỉnh mức thưởng di dời **từ 10.000.000 đồng thành 12.000.000 đồng** (tăng 2.000.000 đồng).

Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Đào Duy Tân sau khi điều chỉnh, bổ sung: 460.687.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Bao gồm:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất:	140.000.000 đồng;
- Giá trị bồi thường cây trồng:	25.084.000 đồng;
- Giá trị về các chính sách hỗ trợ:	293.603.000 đồng;
- Thưởng cho đối tượng chấp hành tốt chủ trương:	2.000.000 đồng;
- Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường 3.5%:	16.124.000 đồng;
* Trong đó:	
- Kinh phí TTPTQĐ huyện 80%:	12.899.000 đồng;
- Kinh phí thẩm định 20%:	3.225.000 đồng;
- Bao gồm:	
+ Kinh phí của PTNMT 15%:	2.419.000 đồng;
+ Kinh phí của STNMT 5%:	806.000 đồng;

Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ sau khi điều chỉnh tại Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND huyện: 40.568.449.000 đồng (Bốn mươi tỷ, năm trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

Bao gồm:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất:	17.417.780.000 đồng;
- Bồi thường nhà, vật kiến trúc:	3.004.407.000 đồng;
- Giá trị bồi thường cây trồng:	4.108.199.000 đồng;
- Giá trị về các chính sách hỗ trợ:	14.498.183.000 đồng;

- Thưởng cho đối tượng chấp hành tốt chủ trương:	168.00.000 đồng;
- Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%:	1.371.880.000 đồng;
* Trong đó: - Kinh phí TTPTQĐ huyện 80%:	1.097.504.000 đồng;
- Kinh phí thẩm định 20%:	274.376.000 đồng;
+ Kinh phí của PTNMT 15%:	205.782.000 đồng;
+ Kinh phí của STNMT 5%:	68.594.000 đồng;

(Đính kèm bảng tổng hợp)

Lý do điều chỉnh: Điều chỉnh đúng với diện tích đất bồi thường, hỗ trợ và theo Quyết định giải quyết đơn khiếu nại số 6963/QĐ-UBND ngày 02/12/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 và Điều 4 Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 14/5/2020 của UBND huyện Vĩnh Cửu vẫn giữ nguyên giá trị.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Kinh tế - Hạ tầng, Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Vĩnh Cửu, Văn phòng đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Vĩnh Cửu, UBND xã Hiếu Liêm, Ban chỉ huy quân sự huyện và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./a

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở TNMT (Chi cục QLDD);
- CT, PCT.UBND huyện;
- C, PVP HĐND-UBND huyện;
- Phòng TNMT;
- Lưu VT-TH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quang Phương

BẢNG TỔNG HỢP THÔNG TIN VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐIỀU CHỈNH
Thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình quốc phòng tại xã Hiếu Liêm, huyện Vĩnh Cửu
(Kèm theo Quyết định số: **349** /QĐ-UBND ngày **01** tháng **02** năm 2021 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)								Đất công (m ²)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường đi dãi	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ và thường đi dãi	Ghi chú
			Nông nghiệp		Phi NN		Đất chưa sử dụng											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16			
I TỔNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA HỘ ÔNG ĐÀO DUY TÂN ĐÃ PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1569/QĐ-UBND NGÀY 14/5/2020 CỦA UBND HUYỆN																		
1	Đào Duy Tân	10.544,1	1.600,0					8.944,1	80.000.000		46.508.000	80.000.000	10.000.000	216.508.000				
TỔNG CỘNG							-	8.944,10	80.000.000	-	46.508.000	80.000.000	10.000.000	216.508.000				
II GIÁ TRỊ ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG THEO QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT ĐƠN SỐ 6963/QĐ-UBND NGÀY 02/12/2020 CỦA UBND HUYỆN																		
1	Đào Duy Tân	10.544,1	4.400,0					6.144,1	220.000.000		71.592.000	373.603.000	12.000.000	677.195.000				
TỔNG CỘNG							-		220.000.000	-	71.592.000	373.603.000	12.000.000	677.195.000				
III GIÁ TRỊ CHÉNH LỆCH (II-I)																		
1	Đào Duy Tân								140.000.000	0	25.084.000	293.603.000		460.687.000				
TỔNG CỘNG								-	140.000.000	-	25.084.000	293.603.000		460.687.000				
Chi phí thực hiện công tác bồi thường 3,5%														16.124.000				
Trong đó: Kinh phí thẩm định huyện 20%														3.225.000				
Kinh phí STM-MT 5%:														806.000				
Kinh phí PTN-MT 15%:														2.419.000				
Kinh phí TTPTQĐ huyện 80%														12.899.000				
TỔNG CỘNG														476.811.000				

[illegible]